TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 02 - 12 - 2022.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hoàng Ngoan.

2. Ông Võ Quốc Thoại.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Chị Wu A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đài Loan (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê T trình bày: Anh và chị Wu A kết hôn vào ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Trong thời gian anh và chị Wu A chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không phù hợp, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh Lê T yêu cầu được ly hôn với chị Wu A.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Lê T khai không có.

Bị đơn chị Wu A trình bày: Chị thống nhất với phần trình bày của anh Lê T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị đồng ý ly hôn với anh Lê T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê T được ly hôn với chị Wu A. Riêng về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Lê T có địa chỉ tại Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Wu A đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê T và chị Wu A có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê T và chị Wu A kết hôn ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê T và chị Wu A đều thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc và đã đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Lê T và chị Wu A đều khai không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê T và chị Wu A.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Lê T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000116 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh Lê T được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Chị Wu A phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Đình Nghệ